



THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Kính gửi: Quý Cổ đông

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

1. **Thời gian:** 9h00 ngày 29 tháng 4 năm 2022.
2. **Địa điểm:** Hội trường Phòng họp của Công ty, Số 545 đường Trần Lãm, phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
3. **Hình thức tham dự họp:** Cổ đông có thể tham dự họp theo một trong các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (mẫu giấy ủy quyền tải về từ địa chỉ <http://www.pvoilthaibinh.com.vn/vi/codong/thongbaocd/>)

Lưu ý: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự đại hội phải mang theo các giấy tờ sau: Thư mời họp, Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, Giấy ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội). Đối với cổ đông là tổ chức, đề nghị người đại diện mang theo bản sao Giấy chứng nhận ĐKKD, CMTND/CCCD và Giấy Ủy quyền tham dự đại hội (trường hợp người đại diện tham dự không phải là đại diện trước pháp luật của tổ chức đó).

4. **Thành phần tham dự:** Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 24/03/2022.
5. **Chương trình và tài liệu họp:** Chương trình họp và tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty sẽ được đăng tải trang website tại địa chỉ <http://www.pvoilthaibinh.com.vn/vi/codong/thongbaocd/>.
6. **Thông tin liên hệ:** Trường hợp cần hỗ trợ thêm, cổ đông vui lòng liên hệ theo địa chỉ sau: **Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình**

Địa chỉ: Số 545 đường Trần Lãm, P. Trần Lãm, Tp Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

Điện thoại: 0227.3.833.552

Fax: 0227.3.838.757

Trân trọng !

Thái Bình, ngày 04 tháng 04 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đoàn Duy Công

Số: /BC - DKTB

Thái Bình, ngày tháng 04 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung ngày 29/04/2021;

Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT Công ty;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình (PVOIL Thái Bình) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Năm 2021 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID 19. Giá dầu thô trên thị trường giao dịch quốc tế diễn biến vô cùng phức tạp, khó dự báo trước tình hình. Thị trường Thái Bình vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ những đầu mối lớn như Hải Hà, Petrolimex, Sông Vân... mức chiết khấu cho khách hàng của họ luôn cao hơn của Công ty khiến cho mức độ cạnh tranh càng gay gắt ...Lợi thế nghiêng về các đơn vị có điều kiện cơ sở vật chất hạ tầng kinh doanh xăng dầu đồng bộ.

Trước bối cảnh đó, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát, định hướng và tháo gỡ khó khăn trong hoạt động điều hành năm 2021 của Công ty. Hoạt động SXKD năm 2021 của PVOIL Thái Bình đã đạt được nhiều kết quả tốt so với kế hoạch đề ra.

1. Tình hình nhân sự của HĐQT năm 2021

Năm 2021, Hội đồng quản trị PVOIL Thái Bình vẫn hoạt động với cơ cấu nhân sự bao gồm 03 thành viên trong đó có 01 TV kiêm nhiệm Giám đốc trực tiếp điều

hành Công ty. Trong quá trình triển khai thực hiện, HĐQT Công ty đã có sự trao đổi, thống nhất trong phương thức hoạt động chỉ đạo, điều hành.

2. Đánh giá công tác tổ chức các cuộc họp định kỳ của HĐQT

Năm 2021, bên cạnh việc thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng/quý với Ban điều hành Công ty, HĐQT Công ty đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp đột xuất để xem xét các kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành. Các vấn đề lớn, quan trọng đã được HĐQT phê duyệt thông qua trong năm 2021 trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành và ý kiến của các thành viên HĐQT bao gồm:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty.
- Phê duyệt sử dụng quỹ tiền lương của CBQL năm 2020 còn lại chi cho CBCNV của Công ty.
- Phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2021.
- Phê duyệt bổ nhiệm một số chức danh quản lý của Công ty.
- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021.
- Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch 2021 cho CBQL và NLĐ.
- Phê duyệt xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi.
- Phê duyệt đổi tên Phòng Kế hoạch đầu tư thành Phòng Kế hoạch đầu tư và An toàn.

3. Đánh giá công tác giám sát, phối hợp của HĐQT với Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể

3.1. Đối với Ban điều hành

Theo phân công công việc, năm 2021 từng thành viên HĐQT đã phối hợp, chỉ đạo và định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong hoạt động SXKD đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, quy định quản lý của Tổng công ty và Công ty.

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động SXKD, Ban điều hành đã triển khai nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm, đồng thời thực hiện tốt vai trò tham mưu cho các quyết sách của HĐQT. Các thành viên Ban điều hành phối hợp chặt chẽ và sâu sát trong chỉ đạo, đảm bảo hoạt động SXKD của đơn vị thông suốt và hiệu quả.

3.2. Đối với Ban kiểm soát

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Định kỳ hàng tháng, quý, Ban kiểm soát đều duy trì báo cáo đánh giá hoạt động của Ban điều hành đồng thời đưa ra các cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD của đơn vị để Ban điều hành có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp.

3.3 Đối với tổ chức đoàn thể.

HDQT luôn tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng ủy, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát, đánh giá cán bộ trong phạm vi phân cấp. Đối với các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, HDQT luôn quan tâm tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt, chăm lo, động viên khích lệ đời sống CBCNV Công ty.

4. Đánh giá tình hình hoạt động của PVOIL Thái Bình trong năm 2021

- Bảng các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	% HT KH năm 2021	% HT TH so năm 2020
1	SL xăng dầu	m ³	57.766	63.000	75.051	119	130
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	547,6	619	978,5	158	179
3	Tổng LNTT	Tỷ đồng	(0,73)	2,5	3,25	128	
4	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	(67)	229,4	246	107	

4.1 Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

Tháng 01 năm 2021, HDQT PVOIL Thái Bình đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty và thực hiện báo cáo Đại hội cổ đông thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch chính.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu. Năm 2021 PVOIL Thái Bình đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cơ bản: tổng sản lượng thực hiện: 75.051 m³ đạt 119% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 3.25 tỷ đồng đạt 128% kế hoạch.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác ngoài xăng dầu: Đơn vị đã phát triển thêm các sản phẩm kinh doanh phụ trợ khác như gas, đạm, nhớt, ngoài ra đơn vị cũng đang tích cực triển khai kinh doanh sản phẩm TBSol 200 và TB White Spirit. Tổng doanh thu từ các hoạt động này đã góp phần đa dạng hóa loại hình kinh doanh và đóng góp vào hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.

4.2. Về phát triển các kênh bán hàng.

HDQT đã giám sát, chỉ đạo Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng, tập trung vào các kênh tiêu thụ trực tiếp theo đúng định hướng hoạt động năm 2021. Hệ thống phân phối được duy trì ổn định, bên cạnh khối bán lẻ, Công ty cũng đẩy mạnh công tác thị

trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác và mở rộng bán hàng cho mạng lưới khách hàng công nghiệp.

ST T	Kênh BH	ĐVT	KH 2021	Tỷ trọng KH 2021	TH 2021	Tỷ trọng TH 2021	TH/KH 2021
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4
1	TNPP/TNNQ/ĐL	M ³	28.000	44,4	42.446	56,6	151,6
2	KHCN	M ³	12.000	19,1	11.502	15,3	95,9
3	CHXD	M ³	23.000	36,5	21.103	28,1	91,8
	Tổng cộng		63.000		75.051		

4.3 Về công tác đầu tư, phát triển hệ thống

- Dự án mới phát triển CHXD: Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh trong năm, PVOIL Thái Bình đã hoàn thành kế hoạch Tổng công ty giao phát triển mới 01 CHXD, nâng tổng số CHXD đang hoạt động lên là 18 CHXD.

- Đối với hạng mục xử lý nước thải tại Kho trung chuyên xăng dầu: Đã được Sở tài nguyên Môi Trường chấp thuận cho vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý chất thải tại Kho TCXD để hoàn thành Giấy xác nhận thực hiện các công trình/biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án “Xây dựng Kho TCXD và hệ thống pha chế xăng E5, cụm pha chế xăng A92 từ Condensate” tại Thái Bình.

- Công tác cải tạo, sửa chữa: Trong năm; PVOIL Thái Bình đã hoàn thành các hạng mục cải tạo, sửa chữa thuộc Kho trung chuyên Xăng dầu Thái Bình và các CHXD; cụ thể: sửa chữa 04 nhà vệ sinh cho 04 CHXD giai đoạn 1, lắp đặt biển quảng cáo Tân Hoàng Minh, thay thế cột bơm và bảng biển hệ thống ánh sáng cho và chỉnh trang nhận dạng thương hiệu cho 17 CHXD trong toàn hệ thống đáp ứng theo tiêu chí của đề án 1114 nhằm quảng bá thương hiệu của PVOIL, gia tăng sản lượng qua kênh bán lẻ. Sơn, sửa lại hệ thống đường ống công nghệ, 02 bồn chứa E100, 02 bồn chứa Naptha, nhà bơm xuất bộ, nhà bơm công nghệ, nhà bơm cứu hỏa tại Kho TCXD.

- Công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý tồn đọng:

+ Việc giải quyết hồ sơ pháp lý tồn đọng đối với CHXD Mỹ Lộc:

Công ty đã bổ sung hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án CHXD Mỹ Lộc với Sở TNMT Thái Bình v/v xin thuê đất. Tuy nhiên, theo ý kiến của Sở TNMT Thái Bình bộ hồ sơ còn thiếu quyết định thu hồi đất đến từng hộ gia đình, cá nhân của khu đất thực hiện dự án (đã có quyết định thu hồi tổng diện tích của cả dự án Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 04/03/2009).

Công ty đã làm việc và cung cấp hồ sơ cho UBND huyện Thái Thụy, bao gồm: Trích lục địa chính thửa đất, Biên bản làm việc thống nhất giá trị thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của CHXD thuộc xã Mỹ Lộc giữa Ban quản lý Dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với PVOIL Thái Bình, phương án và dự toán bồi thường, bảng giá trị đền bù giải phóng mặt bằng và hóa đơn thanh toán hoặc phiếu chi ... của dự án CHXD Mỹ Lộc để huyện có cơ sở xác nhận đã hoàn thiện công tác Giải phóng mặt bằng dự án CHXD Mỹ Lộc phục vụ cho quá trình hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên khu đất của dự án. Phòng KHĐT&AT đã cung cấp đầy đủ cho UBND huyện Thái Thụy các hồ sơ nêu trên, hiện đang chờ ý kiến trả lời của huyện để thực hiện các bước tiếp theo.

+ Giải quyết hồ sơ đối với CHXD Lam Sơn: Bám sát UBND tỉnh và các Sở KHĐT, Sở công thương, Sở xây dựng, Sở TNMT tỉnh Hưng Yên, để hoàn thiện hồ sơ dự án CHXD Lam Sơn. Hiện tại PVOIL Thái Bình đang làm việc với đơn vị tư vấn luật soạn thảo và ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn thực hiện các bước để ra được Quyết định giao đất, ký Hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dự án CHXD Lam Sơn.

- Quỹ thực hiện dự án CHXD Thanh Nê: Sở KHĐT tỉnh Thái Bình đã có giấy mời ngày 05/11/2021 mời các sở ban ngành liên quan và PVOIL Thái Bình để kiểm tra, xác minh, giám sát tình hình thực hiện dự án của nhà đầu tư để có cơ sở hoàn trả ký quỹ dự án CHXD Thanh Nê cho PVOIL Thái Bình. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên địa bàn tỉnh Thái Bình lên sở KHĐT đã ra văn bản tạm hoãn, thời gian kiểm tra sở KHĐT sẽ thông báo sau.

- Công tác ATPCCN: Thực hiện đầy đủ nội quy, quy định về an toàn PCCN của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty.

4.4 Về công tác quản lý rủi ro và công nợ xấu:

HDQT đã tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo việc quản lý rủi ro, xử lý nợ xấu và ngăn chặn nợ quá hạn phát sinh. Công ty thường xuyên rà soát đối chiếu công nợ khách hàng bán buôn, bán lẻ kịp thời cảnh báo có biện pháp phòng ngừa đối với công nợ phát sinh rủi ro. Trong năm 2021 Công ty đã tiến hành thủ tục xóa nợ cho Công ty TNHH khai thác kinh doanh vật liệu xây dựng Công Viên.

4.5 Về công tác quản trị doanh nghiệp.

Năm 2021, HDQT đã tập trung chỉ đạo tốt công tác quản trị tại đơn vị, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- HDQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành triển khai giao kế hoạch đến từng đơn vị gắn liền với việc kiểm tra giám sát, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của toàn đơn vị.

- HDQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị theo chính sách bán hàng của Tổng công ty, khai thác linh hoạt và hiệu quả nguồn hàng mua ngoài bổ sung (ngoài nguồn mua của Tổng công ty) đảm bảo tốt nhất hoạt

động SXKD của đơn vị trong các thời điểm Tổng công ty khó khăn về nguồn hàng; triển khai tốt Đề án 1114 tại CHXD và Đề án 808 tại Kho TCXD thông qua việc kiểm tra định kỳ/ đột xuất, xây dựng thang điểm và tổ chức đánh giá định kỳ, gắn kết quả đánh giá với công tác thi đua khen thưởng.

- Đối với công tác ATPCCN: HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiêm quy định về công tác An toàn PCCC trong SXKD theo quy định của Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty; Trong năm, Công ty đã phối hợp với Công an PCCC tỉnh Thái Bình tổ chức thực hiện diễn tập lớp chỉ huy và triển khai đội hình chữa cháy tại Kho TCXD, Công ty không để xảy ra sự cố mất an toàn trong lao động; hoạt động PCCN.

- Đối với công tác cán bộ: HĐQT tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát đánh giá các cán bộ trong phạm vi phân cấp quản lý của HĐQT. Năm 2021 thực hiện công tác nhân sự của Tổng công ty, HĐQT đã ban hành nghị quyết, quyết định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/phó các Phòng thuộc Công ty.

Công tác đào tạo nội bộ cũng được HĐQT quan tâm, chỉ đạo sát sao, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Trong năm 2021 Công ty thực hiện đào tạo 05 khóa học với 117 lượt người, tổng kinh phí đào tạo là 195 triệu đồng.

- Chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy trình, quy chế, quy định nội bộ phục vụ tốt nhất yêu cầu quản lý của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị tốt công tác Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

4.6 Về phân chia lợi nhuận năm 2021

Năm 2021 lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 2.681.522.986 VNĐ, Công ty đã xây dựng phương án phân chia lợi nhuận trình Đại hội Cổ đông xem xét phê duyệt.

4.7 Về thù lao, lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Công ty thực hiện chi trả thù lao, lương và các lợi ích khác cho thành viên HĐQT theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, cụ thể như sau:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện 2021	Ghi chú
1	Đoàn Duy Công	Chủ tịch HĐQT	60,000,000	
2	Trần Minh Tuấn	TV HĐQT	36,000,000	
3	Quách Văn Sơn	Giám đốc, TV HĐQT	393,404,400	
	Tổng cộng		489,404,400	

PHẦN II

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA HĐQT

Năm 2022 nền kinh tế vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19 kéo dài, thị trường xăng dầu quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường. Bên cạnh đó tình hình thị trường xăng dầu trong nước diễn ra cạnh tranh ngày càng gay gắt, khốc liệt giữa các đầu mối xăng dầu.

Trên cơ sở nhận định tình hình chung, để vượt qua các khó khăn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, HĐQT Công ty định hướng kế hoạch hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, công tác phối hợp giữa các thành viên HĐQT. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021.

2. Nâng cao chất lượng phối hợp 3 bên giữa Đảng ủy – HĐQT – Ban điều hành nhằm phát huy tối đa sức mạnh tập thể, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo; giải quyết nhanh chóng, kịp thời mọi đề xuất kiến nghị của Ban điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất phát triển hoạt động SXKD của đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì việc tổ chức định kỳ các cuộc họp HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng/Quý với Ban điều hành, kịp thời giám sát, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và xây dựng các giải pháp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành nâng cao hiệu quả SXKD nhằm hoàn thành tốt nhất mọi chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh 2020.

4. Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, chất lượng quản lý điều hành, tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động SXKD của đơn vị cụ thể như sau:

4.1 Công tác kinh doanh xăng dầu:

- Xây dựng chính sách bán hàng của đơn vị phù hợp với chính sách chung của Tổng công ty và tình hình kinh doanh của đơn vị đảm bảo kinh doanh an toàn, hiệu quả tuân thủ các quy định của Tổng công ty, Nhà nước về kinh doanh xăng dầu, trong đó đặc biệt lưu ý công tác chuyển đổi hạ tầng phương thức kinh doanh mới để tối ưu hóa hiệu quả.

- Tổ chức kinh doanh xăng dầu theo địa bàn được phân công, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Tổng công ty giao. Giữ vững ổn định thị phần và duy trì tốc độ phát triển sản lượng phù hợp với tăng trưởng chung của thị trường được phân công.

- Đảm bảo ổn định sản lượng tiêu thụ, kinh doanh có hiệu quả và an toàn về vốn, sản lượng kế hoạch 2022 là 72.000 m³; tập trung phát triển vùng thị trường được phân công theo hướng hiệu quả bền vững; hoàn thiện hệ thống phân phối trong đó gia tăng tỷ trọng tiêu thụ trực tiếp, đẩy mạnh sản lượng bán lẻ, bán khách hàng công nghiệp và đại lý trực tiếp.

- Nâng cao sản lượng kinh doanh tại Chi nhánh, khai thác tối đa hiệu quả Kho TCXD và phương tiện vận tải xăng dầu nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh tiết giảm chi phí.

- Đẩy mạnh hoạt động phối hợp với nhà đầu tư PETROTECH Thái Bình và Tổng công ty vận hành an toàn và khai thác hiệu quả 02 dự án tại Kho: dự án xử lý Condensate Thái Bình và dự án Pha chế Xăng E5 nhằm tăng vòng quay và hiệu quả khai thác Kho TCXD.

- Giao kế hoạch SXKD năm 2022 của PVOIL Thái Bình với một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	Ghi chú
I	Chỉ tiêu sản lượng			
1	Sản lượng xăng dầu			
1.1	Theo kênh tiêu thụ	m ³	72.000	
-	Bán buôn	m ³	35.000	
-	KHCN	m ³	13.000	
-	CHXD	m ³	24.000	
1.2	Sản lượng xăng E5	m ³	15.780	
1.3	Sản lượng PVOIL Easy	m ³	2.500	Đơn vị đầu mối
2	Sản lượng kinh doanh dầu mỡ nhờn PVOIL Lube	lít	47.000	
3	Sản lượng pha chế condensate	m ³	3.150	
II	Chỉ tiêu tài chính			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	814,7	
2	Giá vốn	Tỷ đồng	766,9	
3	Lãi gộp	Tỷ đồng	47,8	
4	Chi phí	Tỷ đồng	44,8	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,0	
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	109,0	
7	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	3%	
8	Các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	208,5	Đây là số tạm tính, Đơn vị nộp theo quy định của Nhà nước.
III	Kế hoạch vốn đầu tư			
1	Đầu tư XDCB & mua sắm TTB	Tỷ đồng	5,9	100% vốn CSH

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	Ghi chú
2	Số CHXD phát triển trong năm	CHXD	2	
IV	Chỉ tiêu về lao động, tiền lương và đào tạo			
1	Lao động tăng/giảm (+/-) trong năm	Người	+8	
2	Tổng quỹ tiền lương dự kiến	Tỷ đồng	12,5	
3	Đào tạo			
-	Số học viên	Người	183	
-	Kinh phí đào tạo	Tr. đồng	222	

4.2. Công tác quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác quản lý toàn diện mọi mặt hoạt động của các CHXD trực thuộc và Kho TCXD, thực hiện nghiêm túc đề án 1114 và đề án 808, phối hợp giữa các phòng chức năng, chi nhánh trong kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh tại CHXD.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực, đẩy mạnh việc khoán lương, phân phối quỹ lương, quỹ thưởng theo kết quả thực hiện đánh giá KPIs.

- Liên tục rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản lý nội bộ cho phù hợp với thực tiễn và phục vụ tốt nhất hoạt động quản lý điều hành tại đơn vị.

- Xây dựng các phương án huy động vốn cho đầu tư kinh doanh tối ưu nhất, đồng thời tăng cường các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị.

- Nâng cao chất lượng báo cáo, đáp ứng yêu cầu quản trị và công tác xây dựng kế hoạch sát với thực tế.

- Triển khai phát động thi đua lao động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh nhằm phát huy cải tiến, sáng kiến trong công việc... tăng năng suất lao động.

- Vận hành an toàn, hiệu quả dự án “Xử lý condensate Thái Bình” và dự án “pha chế xăng E5” tại kho trung chuyển xăng dầu Thái Bình; nhằm khai thác hiệu quả Kho.

- Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn – phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.3 Công tác quản trị rủi ro:

Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Nâng cao chất lượng hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra và giám sát hoạt động kinh doanh tại CHXD, Kho TCXD, Chi nhánh trong toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động tại các CHXD, Kho TCXD an toàn hiệu quả.

4.4 Đối với công tác đầu tư phát triển hệ thống.

- Tập trung cho công tác phát triển hệ thống CHXD dưới nhiều hình thức với mục tiêu phát triển mới trong năm 2022 là 02 CHXD.

- Thường xuyên tiến hành rà soát, kiểm tra duy tu trang thiết bị, sửa chữa; mua sắm trang thiết bị máy móc cho Kho TCXD và các CHXD; phương tiện vận tải nhằm phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty an toàn và hiệu quả.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh khó khăn, Công ty quyết tâm đảm bảo giữ vững ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, hài hòa lợi ích của các cổ đông với mục tiêu phát triển của Công ty an toàn – hiệu quả.

Trước những khó khăn thách thức trong năm 2022, đề hoàn thành kế hoạch được giao, HĐQT đề nghị tập thể người lao động công ty hết sức nỗ lực, đoàn kết thống nhất phát huy sáng kiến phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và các nhiệm vụ Đại hội cổ đông đặt ra, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho tập thể người lao động và đem lại giá trị gia tăng cho các cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 của HĐQT Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Rất mong nhận được sự tin tưởng ủng hộ của Quý vị Cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- TCT DVN - CTCP (để b/c);
- Các TV HĐQT (để biết);
- Ban KS Công ty (để biết);
- Lưu: VT, NVT (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

+

Đoàn Duy Công

Số: /BC-DKTB

Thái Bình, ngày tháng 04 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO
VỀ VIỆC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

Căn cứ Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung ngày 29/04/2021;

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Thái Bình(PVOIL Thái Bình)

Ban kiểm soát PVOIL Thái Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động trong năm 2022 như sau:

I. Về cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Cơ cấu tổ chức.

Ban Kiểm soát đơn vị gồm 03 thành viên do Đại hội Cổ đông C.ty bầu, gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Phạm Ngọc Anh - Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thành viên

Trưởng BKS làm việc theo chế độ chuyên trách hưởng lương theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty, 02 Kiểm soát viên hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm nhận thù lao theo mức lương ĐHCĐ phê duyệt hàng năm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS.

Trong năm 2021 được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty, BKS công ty đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của Ban như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Kiểm soát việc thực hiện điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của HĐQT và ban Giám đốc Công ty; Kiểm soát tính tuân thủ các quy định của Nhà nước; quy định, quy chế nội bộ của Công ty tại các Phòng, đơn vị, bộ phận trực thuộc Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban giám đốc Công ty về công tác quản trị điều hành Công ty, đề xuất ý kiến với Ban điều hành các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý tài chính, quản lý hàng hoá...

- BKS Công ty đã triển khai thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của kiểm soát viên

3.1 Trưởng ban kiểm soát;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trình Đại hội đồng CĐ thường niên thông qua.

- Thực hiện kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại HĐCĐ, Quy chế, quy định, Chỉ thị của HĐQT, Ban Giám đốc.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức hoạt động SXKD, việc thực hiện chính sách bán hàng, Công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý hàng hoá đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, phát hiện và cảnh báo rủi ro tiềm ẩn.

3.2 Kiểm soát viên;

- Phối hợp với trưởng BKS trong việc giám sát HĐQT, Ban giám đốc việc chấp hành Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Quy chế, quy định..

- Phối hợp với TBKS giám sát tình hình thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị tới HĐQT, Ban giám đốc thông qua TBKS

4. Về thù lao, lương và lợi ích khác của thành viên BKS

Công ty thực hiện chi trả thù lao, lương và các lợi ích khác cho thành viên BKS theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, cụ thể như sau:

Stt	Họ tên	Số người	Thực hiện 2021	Ghi chú
2	Trưởng BKS	01	286,165,400	
1	TV BKS chuyên trách	02	32,000,000	
	Tổng cộng		318,165,400	

II – Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát năm 2021.

1. Đối với công tác quản lý của HĐQT

- HĐQT định hướng phát triển Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định về chủ trương, chính sách trong các lĩnh vực hoạt động SXKD trong từng thời điểm, từng giai đoạn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung NQ của Đại HĐCĐ, đúng thẩm quyền theo điều lệ công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Trong năm HĐQT đã ban hành và sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với yêu cầu và thực tế hoạt động SXKD, Nội dung các quy chế, quy định do HĐQT ban hành là cụ thể hoá các quy định của Nhà nước theo điều kiện thực tế và đặc thù của đơn vị, tạo hành lang pháp lý cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các NQ, QĐ, Chỉ thị, quy chế, quy định của Công ty.

- Năm 2021 HĐQT đã tổ chức họp các phiên theo quy định với các nội dung về công tác sản xuất kinh doanh các quý và năm, phê duyệt đơn giá tiền lương, quỹ lương; Quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ,...vv

2. Công tác điều hành của Ban giám đốc

- Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ kế hoạch SXKD năm theo NQ của ĐHĐCĐ, tuân thủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của TCT và Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện công tác điều hành theo đúng thẩm quyền và phân cấp, tuân thủ quy chế điều hành, và quy chế phối hợp HĐQT- Giám đốc.

Trong năm vừa qua Giám đốc Công ty đã xây dựng và ban hành sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình điều hành hoạt động SXKD, đồng thời sửa đổi bổ sung một số các quy định quy trình cho phù hợp điều kiện thực tế hoạt động SXKD, phù hợp với yêu cầu quản lý và điều hành Công ty.

III- Kết quả hoạt động SXKD năm 2021.

1. Các chỉ tiêu sản lượng bán hàng

ĐVT m3/tấn

Kênh tiêu thụ	Kế hoạch		Thực hiện		% TH/KH
	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
TNPP/ TNNQ/TĐL	28.000	44,4%	42.446	56,6%	151,6%
KHCN	12.000	19,1%	11.502	15,3%	95,9%

CHXD	23.000	36,5%	21.103	28,1%	91,8%
Tổng cộng	63.000	100%	75.051	100%	119,1%

2. Các chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	619	978,49	158 %
2	Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	38,7	42,23	109%
3	Chi phí hoạt động	Đồng/lít	505	471,56	93,4%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,5	3,2	128%

3. Cơ cấu vốn của đơn vị

- Số vốn góp và cơ cấu vốn góp của các cổ đông đến ngày 24/03/2022 như sau:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Giá trị (trđồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Tổng công ty DVN	7.412.001	74.120	68
2	Cổ đông Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	1.199.000	11.990	11
3	Cổ đông Công ty cổ phần quản lý Quỹ Leadvisors	381.500	3.815	3,5
4	Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long	1.842.000	18.420	16,9
5	Cổ đông khác	65.499	655	0,6
Tổng cộng:		10.900.000	109.000	100

4. Về nguồn hàng và thực hiện phân công thị trường

- Theo chính sách bán hàng của TCT, PVOIL Thái Bình được TCT cho phép trả chậm tiền hàng tối đa 30 ngày với mức dư nợ khoảng trên 30 % Doanh thu tiêu thụ bình quân của 03 tháng liền kề. Với số vốn hiện tại của Công ty và hạn mức công nợ được TCT cấp, đảm bảo nhu cầu vốn trong hoạt động SXKD với quy mô hoạt động như hiện nay của Công ty.

- Nguồn hàng nhập chủ yếu từ TCT chiếm (85%);

- Tổng sản lượng hàng nhập của TCT chiếm 100% theo hợp đồng mua tối thiểu của TCT, nguồn hàng còn lại (15%) được mua từ các ĐVKD trong hệ thống và các đầu mối khác, để có thêm nguồn từ bên ngoài hệ thống PV Oil Thái Bình đã sử dụng

nguồn vốn vay ngắn hạn ngân hàng, và nguồn vốn lưu động của Công ty hoặc từ nguồn tiền khách hàng mua trả trước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả, chất lượng hàng đảm bảo, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

- Công tác bán hàng theo thị trường được phân công, thực hiện đúng các quy định khi bán hàng cho các khách hàng tiêu thụ trực tiếp hay khách hàng truyền thống trên địa bàn giáp ranh cụ thể PVOIL Thái Bình thực hiện thông báo cho ĐVKD phụ trách địa bàn chính và giáp ranh.

5. Tính pháp lý của hợp đồng bán hàng

- Về cơ bản các khách hàng Đại lý, khách hàng Công nghiệp, các đơn vị tiêu thụ trực tiếp đều được ký hợp đồng trước khi bán hàng. Việc ký hợp đồng được thực hiện đúng thẩm quyền và được quản lý lưu trữ. Trong quy trình thực hiện ký hợp đồng còn một số hạn chế về thủ tục cấp hạn mức nợ cho khách hàng mua theo hình thức trả chậm đôi khi còn chậm chưa kịp thời.

6. Tình hình thực hiện công tác Đầu tư

- Trong năm đơn vị đã tìm kiếm các cơ hội đầu tư tại các thị trường được phân công, và cụ thể đã thuê mới 01 Cửa hàng XD.

- Đồng thời PVOIL Thái Bình cũng đã tiến hành rà soát cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng trang thiết bị tại hệ thống CHXD theo yêu cầu của đề án 1114 góp phần nâng cao sản lượng khối KD bán lẻ trị giá (1,054 tỷ đồng)

- Tiến hành sửa chữa cải tạo kho trung chuyển xăng dầu trị giá 1,029 tỷ đồng

- Trong năm Công ty vẫn tiếp tục tiến hành xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CHXD Mỹ lộc và Lam Sơn tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa xong

7. Công tác quản lý tài chính

- Công ty kiểm soát tốt việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, tuân thủ các quy định của TCT, công ty về công tác tài chính.

- Kiểm soát tốt và an toàn các khoản công nợ phải thu, quản trị dòng tiền không bị chiếm dụng vốn trong kinh doanh,

- Trong công tác bán hàng và quản lý nợ tín chấp Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc thẩm định và cấp hạn mức nợ cho khách hàng (cả về thời gian và giá trị) Trong năm không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. Số nợ khó đòi từ năm 2014 đã thu hồi xong hết.

8. Công tác tổ chức quản lý

- Hiện tại với mô hình một văn phòng và một chi nhánh Công ty đã triển khai các giải pháp nhằm củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các phòng, đơn vị, xây dựng quy trình nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công việc.

- Công ty đã xây dựng và ban hành được hệ thống gồm: Quy chế, quy định, quản lý nội bộ đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh nâng cao hiệu quả và an toàn trong quản lý sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

- Thực hiện quy chế tiền lương theo tiêu chuẩn, chức danh và mức độ hoàn thành công việc, đồng thời khoán lương cho từng bộ phận, đơn vị, CHXD tạo tính chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý.

9. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS và HĐQT, Ban giám đốc

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng chức năng đã thực hiện tốt việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận tài liệu, nắm bắt thông tin phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ.

- BKS đã tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc nên nắm bắt đầy đủ kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động SXKD của đơn vị.

IV. Tình hình thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021.

1. Cơ sở lập BCTC.

- Báo cáo tài chính được trình bày bằng (VNĐ) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 1/01/2021 đến ngày 31/12/2021 biểu mẫu báo cáo thực hiện theo thông tư 200/2014/TT- BTC ban hành ngày 22/12/2014 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2015.

2. Tình hình Tài sản và nguồn vốn

Tài sản	Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2020
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	74.546.252.656	51.447.280.328
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.413.284.260	4.165.840.964
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	39.228.580.362	25.554.964.852
3. Hàng tồn kho	26.572.501.596	21.320.984.635
4. Tài sản ngắn hạn khác	331.886.438	405.489.877
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	79.454.046.363	81.599.742.467
1. Các khoản phải thu dài hạn	221.988.000	221.988.000
2. Tài sản cố định	70.060.130.192	75.594.889.719
3. Tài sản dở dang dài hạn	0	739.481.573

4. Tài sản dài hạn khác	9.171.928.171	5.043.383.175
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	154.000.299.019	133.047.022.796
I. NỢ PHẢI TRẢ	42.149.052.349	23.877.299.112
1. Nợ ngắn hạn	41.524.552.349	23.414.799.112
2. Nợ dài hạn	624.500.000	462.500.000
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	111.851.246.670	109.169.723.684
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	111.851.246.670	109.169.723.684
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.388.795.231	1.388.795.231
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.681.522.986	(1.219.071.547)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	154.000.299.019	133.047.022.796

3. Tình hình kết quả kinh doanh năm 2021.

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	978.495.761.192	547.572.439.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3. DT thuần bán hàng và cung cấp DV	978.495.761.192	547.572.439.832
4. Giá vốn hàng bán	932.964.413.775	514.712.342.259
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	45.531.347.417	32.860.097.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	548.806.615	441.496.092
7. Chi phí tài chính		51.369.863
- Chi phí lãi vay		51.369.863
8. Chi phí bán hàng	32.518.731.282	26.749.967.941
9. Chi phí quản lý DN	9.713.526.048	7.073.643.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	3.847.896.702	(573.387.592)
11. Thu nhập khác	710.915.400	42.214.139
12. Chi phí khác	1.310.734.454	196.571.429
13. Lợi nhuận khác	(599.819.054)	(154.357.290)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.248.077.648	(727.745.242)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	566.554.662	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.681.522.986	(727.745.242)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	246	(67)

V. Kiến nghị:

1. Hoạt động SXKD

- Với tỷ trọng bán lẻ chiếm 28% tổng SL, đây là kênh mang lại hiệu quả nhất cho Công ty, tuy nhiên lại đạt tỷ lệ thấp nên đề nghị HĐQT, Ban GD tập trung nguồn lực phát triển hệ thống CHXD bằng nhiều hình thức, áp dụng các biện pháp, chính sách dài hạn để gia tăng sản lượng, nâng cao tỷ trọng bán lẻ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Định kỳ C.ty tổ chức rà soát đánh giá sản lượng thực tế của từng khách hàng, điều chỉnh hạn mức công nợ phù hợp, và tránh tình trạng chiếm dụng nợ đọng vốn.

- Tất cả các trường hợp bán hàng trả chậm phải thực hiện khảo sát khách hàng, thẩm định, phê duyệt hạn mức nợ và ký hợp đồng theo đúng quy định.

- Rà soát xem xét tình hình thực hiện bán hàng tín chấp, không để công nợ quá hạn tín chấp cao gây tiềm ẩn rủi ro và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của C.ty.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý nợ phải thu nhất là quy định không được bán vượt định mức, vượt giá trị BLNH và bán hàng trả trước nhưng có nợ.

- Cần tích cực đôn đốc thu hồi biên bản đối chiếu kịp thời đảm bảo tích xác thực của khoản nợ phải thu và đảm bảo tính khả thi của BLNH có điều kiện.

2. Hoạt động đầu tư

- Đa dạng hoá các hình thức phát triển hệ thống CHXD, mua, thuê, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... để tăng số lượng cửa hàng.

- Công ty cần tập trung hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý để giảm thiểu rủi ro phát sinh liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản trên đất.

3. Công tác tổ chức

- Định kỳ tổ chức đánh giá tính khả thi và hiệu lực của các quy chế, quy định đã ban hành. Tổ chức bộ phận tiếp nhận những phản hồi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả việc thực hiện của các quy chế, quy định, quy trình để có những sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Công ty, sửa đổi bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý kinh doanh.

4. Công tác tài chính

- Đảm bảo hoàn thành việc xác nhận bảo lãnh của các ngân hàng trước khi thực hiện bán hàng tránh rủi ro khi chứng thư bảo lãnh không hợp lệ, hợp pháp.

- Tăng cường kiểm soát đối với công tác quản lý nợ phải thu, đảm bảo không phát sinh nợ vượt hạn mức cả về giá trị và thời gian.

VI. Đánh giá chung hiệu quả kinh doanh;

- Năm 2021 giá xăng dầu có số lần biến động là 21 lần, tỷ giá biến động bình quân giảm so với năm 2020, xăng giảm 7 lần (Bình quân giảm 611 đ/lit) và tăng 14

lần (Bình quân tăng 313 đ/lit), dầu giảm 8 lần (Bình quân giảm 456 đ/lit) và tăng 13 lần (Bình quân tăng 578 đ/lit).

- Kết quả kinh doanh xăng dầu năm 2021 đơn vị cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch, lợi nhuận đề ra, đó cũng là sự cố gắng rất lớn của việc Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm sát sao chỉ đạo kịp thời trước những diễn biến thay đổi liên tục của giá xăng dầu trong nước và diễn biến phức tạp của đại dịch bệnh covid 19, đơn vị cũng đã làm rất tốt công tác quản lý hàng tồn kho tại các thời điểm.

- Hoạt động của CHXD: Năm 2021 có 17 CHXD hoạt động. Tổng SL tiêu thụ là 21.103 chiếm 28% tổng SL, và bằng 91,8% KH năm, LN trước thuế là 9,65 tỷ đ.

- Công tác quản lý nợ tại CHXD còn có những hạn chế như: luôn có công nợ vượt hạn mức do công tác bán hàng chưa tuân thủ đúng theo hợp đồng đã ký kết, và đúng theo hạn mức đã phê duyệt.

VII. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022:

- Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành công ty.
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy chế của Công ty, Tổng công ty và các quy định của Pháp luật trong hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban giám đốc.
- Giám sát việc chấp hành của Ban Giám đốc đối với các nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.
- Giám sát công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, xây dựng mới CHXD, Giám sát tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, quyết toán từng công trình.
- Giám sát việc tổ chức thẩm định giá, đàm phán giá chuyển nhượng, giám sát thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất khi mua lại CHXD.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 đã được HĐQT phê duyệt.
- Giám sát việc tuân thủ quy chế bán hàng của TCT, quy chế quản lý hàng hoá tại kho và cửa hàng xăng dầu.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế khoán đối với các đơn vị, bộ phận
- Thẩm định các báo cáo hoạt động SXKD.
- Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty.
- Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, tình hình quản lý sử dụng tài sản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc chấp hành các quy chế, quy định, nội bộ của công ty tại các Chi nhánh và CHXD.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý tiền hàng, công nợ

Trên đây là báo cáo hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Công ty trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- TCT Dầu VN-CTCP (b/c);
- KSNB TCT; (b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h)
- Lưu: VT, NTTTT (01 bản).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thanh Thủy

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	LNST
2	Các khoản được trích vào LNST theo quy định ¹	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 trước khi trích lập các quỹ	3=1-2
4	Trích lập các quỹ, dự kiến ² : <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ Khen thưởng của NLD - Quỹ Phúc lợi của NLD - Quỹ Đầu tư phát triển - Quỹ thưởng Người quản lý 	Tối đa 40% lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ
5	Lợi nhuận còn lại năm 2022 sau khi trích lập các quỹ	5=3-4
6	Lợi nhuận còn lại năm trước chưa chia	
7	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2022	7=5+6
8	Chia cổ tức năm 2022	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

¹ LNST trước khi trích quỹ được xác định bằng LNST trừ đi các khoản gồm: lợi nhuận chia cho các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có); Lũy kế năm trước chuyển sang (nếu có); Truy thu thuế (nếu có) và các khoản khác được trích vào LNST theo quy định.

² Tỷ lệ trích cụ thể sẽ thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBH và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Công ty (để biết);
- Lưu VT, NVT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Duy Công

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện 2021	Ghi chú
	Tổng cộng		2,309,000,000	

3. Quỹ thưởng Người quản lý (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành)

- Thực hiện năm 2021: Không có

- Kế hoạch năm 2022: Thực hiện trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD và phương án phân phối lợi nhuận 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT;
- Ban KS Công ty (để biết);
- Lưu: VT, NVT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Duy Công

Số: /TTr-DKTB

Thái Bình, ngày tháng 04 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung ngày 29/04/2021;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách đơn vị kiểm toán của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình và đề xuất có liên quan cụ thể như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các Công ty tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của PVOIL Thái Bình về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán;

2. Danh sách các đơn vị kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Kiểm toán DELOITTE Việt Nam (Deloitte);
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

3. Đề xuất:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán theo danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 theo đúng các quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT;
- Ban KS Công ty (để biết);
- Lưu: VT, NVT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Duy Công



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Địa chỉ: Số 545 đường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Điện thoại: (02273) 833 552- Fax: (02273) 838 757

PHIẾU BIỂU QUYẾT Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

I. Thông tin cổ đông:

- Tên cổ đông:
- Người đại diện:
- Số CP có quyền biểu quyết:

II. Ý kiến biểu quyết của cổ đông: [đề nghị Quý cổ đông chọn một (1) trong ba (3) ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu chéo vào một (1) trong ba (3) ô dưới đây cho từng mục]

1. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022.

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS Công ty năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022.

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Tờ trình thông qua quyết toán trả thù lao năm 2021 và phương án thù lao năm 2022 đối với HĐQT, BKS, Ban điều hành.

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Tờ trình thông qua BCTC đã được kiểm toán năm 2021 (kết thúc năm tài chính).

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Tờ trình thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2022.

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Tờ trình thông qua 03 Quy chế hoạt động của Công ty.

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

8. Tờ trình thông qua hợp đồng giữa PVOIL Thái Bình với Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) và các Đơn vị thành viên của PVOIL

- Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

Ý kiến khác (nếu Có) :

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự biểu quyết này./.

Thái Bình, ngày 29 tháng 04 năm 2022

(Cổ đông ký tên, ghi rõ họ và tên)

**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình**

1. Xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội:

Tên cổ đông:
CMND/GPĐKKD số: cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu:cổ phần
(Bằng chữ:)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội cho Ông/bà có tên dưới đây:

Ông/bà:
CMND số: cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần
(Bằng chữ:)

3. Hoặc ủy quyền cho:

Ông: Ngô Văn Tuấn - Chủ tịch Công đoàn, Phó Giám đốc Công ty

CMND số: 012904929 cấp ngày 02/08/2012 tại Hà Nội
Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần
(Bằng chữ:)

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình để biểu quyết, bỏ phiếu và được toàn quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và Người nhận ủy quyền xin cam kết tuân thủ các quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này đồng thời cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau đối với Công ty

Lưu ý: Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ 3.

....., ngàytháng năm 2022

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Thái Bình, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày / / 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 4 năm 2022;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình (dưới đây gọi là Công ty)

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II. KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có ba (03) Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - đ) Không được làm việc trong Phòng Tài chính Kế toán của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ (nếu có), quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có) của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng

ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà Kiểm soát viên đó làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của Kiểm soát viên đó làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 20. Mọi quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

2. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này trong toàn Công ty.

3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và các đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình bao gồm 7 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thái Bình, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày / / 2022 của Hội đồng
quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)*

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 4 năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

2. Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

3. Giám đốc: Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.
4. Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.
5. Đại hội đồng cổ đông: Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
6. Điều lệ Công ty: Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.
7. Đơn vị: Các Chi nhánh, Cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.
8. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan.
9. Luật Chứng khoán: Là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03(ba) đến 05(năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) là thành viên không điều hành.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị

phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, ngân sách hằng năm của Công ty;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội cổ đông thông qua
- c) Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- d) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- e) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.
- f) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- g) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

h) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;

i) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

j) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người người điều hành khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải

cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. .

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày

làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 7 Điều 44 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách

nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của Hội đồng quản trị. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và văn bản pháp luật của Nhà nước.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này trong toàn Công ty.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình bao gồm 07 Chương, 25 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị đề nghị và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Duy Công

Thái Bình, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày / / 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 4 năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

2. Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

3. Giám đốc: Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

5. Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

6. Đại hội đồng cổ đông: Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

7. Điều lệ Công ty: Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

8. Đơn vị: Các Chi nhánh, Cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

9. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan.

10. Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;

Mục 2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 15

Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông lựa chọn hình thức tham dự họp theo hướng dẫn trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.

b. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

c. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.

d. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung:

a. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

b. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Thẻ biểu quyết và/ hoặc các Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu

tham dự Đại hội đồng cổ đông), trên đó có ghi rõ số đăng ký mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết

a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát.

b. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

3. Các hình thức biểu quyết

a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “O” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên tối đa có thể trúng cử;

Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên với số phiếu được chia đều đều cho từng ứng viên được lựa chọn, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

3. Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu;

1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ cao Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

2. Khi tiến hành biểu quyết/ bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết/ bầu cử vào hòm phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về so với số phiếu biểu quyết/ bầu cử phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về. Đối với các nội

dung biểu quyết, số phiếu “Tán thành”, "Không tán thành”, “Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.

3. Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 17. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét triệu tập lại đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Lập Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 21. Công bố biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 19 Quy chế này.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu

bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Quy chế này.

b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này.

Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 23. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ

chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

2. Chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của:

- Cổ đông cá nhân, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, hoặc
- Cá nhân được cổ đông ủy quyền, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được cổ đông ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, ngân sách hằng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua

c) Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

d) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

e) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.

f) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

g) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

h) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;

i) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

j) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người điều hành khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật;

e. Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn;

f. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi

cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

g. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty.

h. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Công ty.

Mục 2. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 30 Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Quy chế này triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 29 Quy chế này.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương III Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Quy chế này và các tiêu chí khác tại thông báo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên họp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

Điều 31. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông

tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 3. Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 7 Điều 44 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết

bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Mục 4. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Điều 37. Lựa chọn, bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 Quy chế này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành các công việc được giao;
- Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 40. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có ba (03) Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong Phòng Tài chính Kế toán của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Mục 2. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 44. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 44 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương IV Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).

3. Ban kiểm soát tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
- Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 40 Quy chế này.

Điều 46. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, việc công bố thông tin ứng viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 47. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 49. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 50. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Mục 3. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 51. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC

Điều 52. Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và Pháp luật.
- Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 53. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc: Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc theo quy định tại khoản 2 Điều này.
- Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc;

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 54. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.

1. Công ty trả lương, thưởng cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;

- Trong các phiên họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo tương tự cách thức gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị đến Ban kiểm soát để nghiên cứu và tham dự họp.

- Thủ tục, trình tự, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện như các quy định tại Điều 36 Quy chế này.

- Các Kiểm soát viên và Giám đốc được tham gia phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Hội đồng quản trị

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Bản sao các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban Kiểm soát trong thời hạn 5 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm chúng được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc;

Bản sao các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Giám đốc trong thời hạn 5 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm chúng được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Các trường hợp Giám đốc, Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị: Khi Giám đốc, Ban kiểm soát có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng.

- Những vấn đề sau đây phải xin ý kiến Hội đồng quản trị:

+ Các vấn đề cần phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty;

+ Các giao dịch của Công ty mà Giám đốc là một bên liên quan;

+ Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;

+ Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

- Hội đồng quản trị phải có ý kiến phản hồi hoặc phê duyệt các nội dung Giám đốc đề xuất tại khoản 1 Điều này trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất và các tài liệu kèm theo (trừ các nội dung đề xuất về Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, cơ cấu tổ chức và số lượng Người điều hành doanh nghiệp thì thời gian phản hồi trong thời hạn 15 ngày).

5. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Định kỳ hàng tháng, quý Giám đốc phải tổ chức họp Ban Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các Báo cáo của Ban Giám đốc.

- Ngoài ra, Giám đốc phải báo cáo các vấn đề khác về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao khi Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị yêu cầu.

- Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Giám đốc cũng như các chức danh quản lý của Công ty báo cáo về việc thực hiện công việc được giao.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc;

- Định kỳ hàng tháng, quý Giám đốc phải tổ chức họp Ban Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các Báo cáo của Ban Giám đốc.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc thường xuyên trao đổi và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi trong công việc của nhau để đảm bảo thực hiện tốt nhất công việc chung.

- Trường hợp khẩn cấp xin ý kiến ngay, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có thể thông tin ngay thông qua gặp trực tiếp, điện thoại, email, họp trực tuyến để giải quyết công việc hiệu quả.

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ của Công ty trực tiếp qua cán bộ nhân viên phụ trách chuyên môn của các Phòng/ban Công ty để làm sáng tỏ vấn đề vì lợi ích chung của Công ty.

Điều 56. Điều khoản thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình bao gồm 6 Chương, 56 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty do Hội đồng quản trị đề nghị và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Duy Công

+ Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu) và thông báo tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

+ Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy mức độ cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 146 Luật Doanh nghiệp.

+ Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

IV. UỶ QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Cổ đông có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được uỷ quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được uỷ quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

- Việc cử đại diện và uỷ quyền, thay đổi đại diện và người được uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng những quy định:

+ Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó.

+ Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/ tổ chức đó.

V. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- Tất cả các cổ đông đến tham dự đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

- Cổ đông thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo vệ tài liệu Đại hội.

VI. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

- Điều kiện để Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên **50% số cổ phần** có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2022.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết và/hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Mỗi cổ đông được cấp một **Thẻ biểu quyết để biểu quyết thông qua chương trình Đại hội và thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội**; một Phiếu biểu quyết để thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi tên cổ đông/cổ đông được uỷ quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, trong đó Phiếu biểu quyết phải có chữ ký xác nhận của cổ đông.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu biểu quyết khác.

2. Cách biểu quyết:

⁽¹⁾Đối với hình thức biểu quyết trực tiếp (bằng Thẻ biểu quyết): Chủ tọa đại hội sẽ hỏi đại hội theo 02 phương án: tán thành và không tán thành. Cổ đông lựa chọn các phương án trả lời và biểu quyết thông qua bằng cách giơ Thẻ biểu quyết.

⁽²⁾Đối với hình thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Sau khi nghe trình bày các báo cáo, tờ trình, cổ đông lựa chọn các phương án trả lời bằng cách đánh dấu trực tiếp và ký tên xác nhận trên Phiếu biểu quyết.

3. Cách thức kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu Đại hội tiến hành kiểm phiếu biểu quyết bằng hình thức đếm trực tiếp. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Chủ tọa Đại hội ngay sau khi kiểm phiếu xong, Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu tại chỗ, kết quả kiểm phiếu sẽ được ghi trong Biên bản đại hội.

4. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi: Có trên **50%** tổng số phiếu bầu của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại đại hội tán thành.

VII. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu với Chủ tọa Đại hội (thông qua Ban Thư ký Đại hội), và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo trình tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

- Điều hành các hoạt động của Đại Hội đồng cổ đông của Công ty theo chương trình đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội thảo luận.
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty thành lập và nằm trong thành phần của Ban tổ chức đại hội. Ban Kiểm tra tư cách thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- Ban Thư ký đại hội do Chủ tọa Đại hội chỉ định tại Đại hội, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
- Nhiệm vụ chính của Ban thư ký đại hội là ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu của Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa Đại hội công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, biên bản, nghị quyết của Đại hội.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

- Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Ban Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đoàn Duy Công



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Địa chỉ: Số 545 đường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Điện thoại: (02273) 833 552; Fax: (02273) 838 757

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Thời gian tổ chức Đại hội: 9h00' ngày 29 tháng 04 năm 2022
- Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình- Số 545 đường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Thời gian dự kiến	Thời lượng (phút)	Nội dung
Từ 8h30 đến 9h00	30	- Đón tiếp Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
Từ 9h00 đến 9h20	20	- Giới thiệu đại biểu - Thông qua biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội - Giới thiệu Chủ tọa Đại hội và Ban Thư ký - Thông qua Ban kiểm phiếu - Thông qua quy chế tổ chức ĐHĐCĐ
Từ 9h20 đến 10h20	60	1. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022; 2. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS Công ty năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022; 3. Tờ trình quyết toán trả thù lao năm 2021 và phương án thù lao năm 2022 đối với thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách; 4. Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 (kết thúc năm tài chính); 5. Tờ trình phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2022 (kết thúc năm tài chính); 6. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. 7. Tờ trình thông qua 03 Quy chế của Công ty.

Thời gian dự kiến	Thời lượng (phút)	Nội dung
		8. Tờ trình thông qua hợp đồng giữa PVOIL Thái Bình với PVOIL và các đơn vị thành viên của PVOIL.
Từ 10h20 đến 10h40	20	Thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình
Từ 10h40 đến 10h50	10	Phát biểu của đại diện Tổng công ty Dầu Việt Nam (nếu có)
Từ 10h50 đến 11h00	10	Biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết
Từ 11h00 đến 11h15	15	Thông qua biên bản, nghị quyết Đại hội
Từ 11h15 đến 11h25	10	Tuyên bố bế mạc Đại hội